

Ngày kiểm tra: 22/12/2023

Môn: Ngữ văn, Lớp 10

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Bản Hướng dẫn định hướng các yêu cầu cơ bản của đề bài, giám khảo cần nắm vững đáp án, biểu điểm để đánh giá hợp lý các mức độ năng lực của học sinh.

2. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần linh hoạt trong quá trình chấm, khuyến khích đối với những bài làm có cảm xúc, sáng tạo, biết vận dụng kiến thức để mở rộng, khơi sâu vấn đề. Những bài viết đủ ý nhưng diễn đạt vụng, không cho điểm tối đa.

3. Tổng điểm toàn bài là 10.0; sau khi cộng điểm toàn bài, có thể làm tròn đến 0,1 chữ số thập phân. Ví dụ: 5.25=5.3; 5.75=5.8

II. ĐÁP ÁN:

Câu	Nội dung	Điểm
Đọc – hiểu	Đọc văn bản và trả lời câu hỏi	6,0
1	Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.	1,0
	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận * Hướng dẫn chấm: - Trả lời như trên: 1,0 điểm - Trả lời khác hoặc không trả lời: Không cho điểm	
2	Trong đoạn trích, tác giả nhắc đến những thói quen xấu nào?	1,0
	Trong đoạn trích, tác giả nhắc đến những thói quen xấu: <i>Cẩu thả, tản mạn, luôn tiện tay vứt mọi thứ ra xung quanh hoặc ngoài đường, ghen ghét, lười biếng, buông trôi, ngồi gác chân lên ghế, đội mũ trong phòng họp, nói tục, văng bậy, tham lam ích kỷ...</i> * Hướng dẫn chấm: - Trả lời như trên: 1,0 điểm - Trả lời thiếu 2 thói quen xấu: trừ 0,25 điểm - Trả lời khác hoặc không trả lời: Không cho điểm	
3	Theo tác giả, tại sao có thói quen biết là xấu nhưng nhiều người lại không thể sửa chữa?	1,0
	Theo tác giả, có thói quen biết là xấu nhưng nhiều người lại không thể sửa chữa vì: - thiếu nghị lực - tự buông trôi hoặc tự quá yêu mình - thiếu cố gắng Hướng dẫn chấm: - Trả lời như trên: 1,0 điểm - Trả lời thiếu 1 ý: trừ 0,25 điểm - Trả lời khác hoặc không trả lời: Không cho điểm	
4	Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu:	1,0

	<p><i>Chăm chỉ, ngăn nắp, làm gì thì đến nơi đến chốn, đúng giờ, có tinh thần trách nhiệm, hay giúp đỡ người khác, có lòng khoan dung là thói quen luôn đáng khuyến khích.</i></p> <p>- Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu là liệt kê: <i>Chăm chỉ, ngăn nắp, làm gì thì đến nơi đến chốn, đúng giờ, có tinh thần trách nhiệm, hay giúp đỡ người khác, có lòng khoan dung</i> (HS có thể trả lời: liệt kê những thói quen tốt)</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh nêu đúng tên gọi của biện pháp tu từ nêu trên (0,25 điểm) và chỉ ra yếu tố ngôn ngữ thể hiện biện pháp đó (0,25 điểm)</p> <p>- Học sinh không gọi được tên biện pháp tu từ thì không cho điểm ý này.</p> <p>- Học sinh gọi được tên biện pháp tu từ nhưng không chỉ ra biểu hiện thì đạt 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sai/không trả lời: 0,0 điểm</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Lời văn mạch lạc, cụ thể, rõ ràng, biểu cảm; hiệu quả diễn đạt cao.</p> <p>+ Người đọc hiểu đầy đủ những thói quen tốt mà tác giả nhắc đến.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Nêu đầy đủ 2 ý trên thì đạt 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh chỉ nêu được 1 ý thì đạt 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sai/không trả lời: 0,0 điểm</p> <p>* Lưu ý: HS có thể diễn đạt khác, nhưng đúng với tinh thần của đáp án thì vẫn cho điểm tối đa.</p>	
5	<p>Bài học sâu sắc nhất mà em rút ra từ đoạn trích là gì?</p> <p>Học sinh rút ra được bài học sâu sắc nhất với bản thân và lí giải thuyết phục, chẳng hạn:</p> <p>+ <i>Biết tạo thói quen tốt, sửa thói quen xấu.</i></p> <p>+ <i>Biết điều khiển thói quen của mình.</i></p> <p>+</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Nêu được bài học sâu sắc nhất: 0,5 điểm</p> <p>- Lý giải thuyết phục: 0,5 điểm.</p> <p>* Lưu ý: HS rút ra bài học khác và có lí giải thuyết phục vẫn cho điểm tối đa. Tùy vào câu trả lời của học sinh, giáo viên linh hoạt cho các mức điểm.</p>	1,0
6	<p>Theo em, thói quen tốt nào cần thiết nhất đối với một học sinh? Vì sao?</p> <p>- Học sinh đưa ra một thói quen tốt mà bản thân cho rằng là cần thiết nhất đối với một học sinh (Ví dụ: <i>chuẩn bị bài trước khi đến lớp; biết sắp xếp kế hoạch học tập hợp lí; tự giác trong học tập...</i>)</p> <p>- Lí giải thuyết phục.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Nêu được thói quen tốt: 0,5 điểm</p> <p>- Lý giải thuyết phục: 0,5 điểm.</p> <p>* Lưu ý: HS đưa ra thói quen tốt khác và có lí giải thuyết phục vẫn cho điểm tối đa. Tùy vào câu trả lời của học sinh, giáo viên linh hoạt cho các mức điểm.</p>	1,0

Viết	Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Em hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Có đủ 3 phần, mỗi phần thực hiện được nhiệm vụ: Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai vấn đề, Kết bài khái quát lại vấn đề	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen xả rác bừa bãi.	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận: HS có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau, cơ bản đảm bảo các yêu cầu sau: * Giải thích thế nào là thói quen xả rác bừa bãi: Vứt rác bừa bãi là vứt rác tùy ý, không đúng nơi quy định, vứt mọi nơi mọi lúc.	3,0
	* Thực trạng: + Rác thải được vứt ngổn ngang ở những nơi công cộng như bệnh viện, nhà trường, các danh lam thắng... + Nhiều người có thói quen tiện đâu vứt đó. +	0,5 0,5
	* Những lí do để mọi người nên từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi: - Hành động vứt rác bừa bãi sẽ gây ô nhiễm môi trường; phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người. - Vứt rác bừa bãi làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh. - Gây tổn hại tiền của cho nhà nước để xử lí rác thải. - Người có thói quen này sẽ nhận lại ánh nhìn không thiện cảm của người khác, trở thành người kém văn minh, thiếu ý thức. -	1,0
	* Những giải pháp để từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi: - Mỗi người cần tự giác nâng cao ý thức của bản thân trong việc bảo vệ môi trường. - Lên án, phê phán những hành vi vứt rác bừa bãi. - Tuyên truyền cho gia đình, những người xung quanh cần vứt rác, xử lí rác đúng nơi quy định. - Tích cực tham gia các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: <i>Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh</i> ,... -	1,0
	e. Chính tả: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	0,25
d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày vấn đề sáng tạo, suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ	0,25	

----- Hết -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ

I. ĐỌC – HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Trên đời có rất nhiều thói quen, tốt và không tốt, thậm chí là thói quen xấu.

Chăm chỉ, ngăn nắp, làm gì thì đến nơi đến chốn, đúng giờ, có tinh thần trách nhiệm, hay giúp đỡ người khác, có lòng khoan dung là thói quen luôn đáng khuyến khích.

Cầu thả, tản mạn, luôn tiện tay vút mọi thứ ra xung quanh hoặc ngoài đường, ghen ghét, lười biếng, buông trôi, ngồi gác chân lên ghế, đội mũ trong phòng họp, nói tục, văng bậy, tham lam ích kỷ... là thói quen xấu.

Có thói quen biết là xấu nhưng nhiều người thiếu nghị lực, khó sửa chữa như nghiện rượu, nói bậy, tắt mắt, không thứ tự, đánh bạc, chơi dế... mà có lẽ người có thói quen đầy tự buông trôi hoặc tự quá yêu mình, thiếu cố gắng nên cứ hứa sẽ sửa chữa nhưng bao năm vẫn y nguyên, nói vui là vẫn theo ông : “Nguyễn Y Vân”

Thói quen có thể có loại không hại đến ai như thói quen thức khuya, thói quen ngả lưng sau bữa ăn, thói quen đọc mấy tờ báo cho dễ ngủ... Nhưng có thói quen có thể làm hại chính mình hoặc gây phiền hà cho người khác như thói quen ngủ dậy muộn, đi làm không đúng giờ, thói rung đùi ngay cả nơi công cộng...

.....

Ai cũng có nhiều thói quen trong đời và đôi khi nó thành thâm căn cố đế, khó sửa, khó đổi thay. Chỉ những ai tự biết mình, tự sáng suốt, có nghị lực...mới dễ thành công trong đời vì biết điều khiến thói quen của mình.

(Trích “Thói quen”- đoạn văn của Băng Sơn)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Trong đoạn trích, tác giả nhắc đến những thói quen xấu nào?

Câu 3. Theo tác giả, tại sao có thói quen biết là xấu nhưng nhiều người lại không thể sửa chữa?

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu:

Chăm chỉ, ngăn nắp, làm gì thì đến nơi đến chốn, đúng giờ, có tinh thần trách nhiệm, hay giúp đỡ người khác, có lòng khoan dung là thói quen luôn đáng khuyến khích.

Câu 5. Bài học sâu sắc nhất mà em rút ra từ đoạn trích là gì?

Câu 6. Theo em, thói quen tốt nào cần thiết nhất đối với một học sinh? Vì sao?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Em hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

----- **HẾT** -----

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: NGỮ VĂN 10; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Số câu	Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao		
1	Đọc	Văn nghị luận	30%	20%	10%	0	06	60
2	Viết	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm	5%	15%	10%	10%	01	40
Tổng			25	35	30	10		100
Tỉ lệ%			60		40			

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: NGỮ VĂN 10; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tỉ lệ %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận (ngoài SGK)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được phương thức biểu đạt trong văn bản. - Nhận biết được luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản - Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết. - Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản <p>Vận dụng:</p>	3 câu	2 câu	1 câu	0	60

			<ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. 					
2	Viết	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thói quen hay quan niệm mang tính tiêu cực, cần phải từ bỏ. - Xác định rõ được mục đích (khuyên người khác từ bỏ thói quen / quan niệm), đối tượng nghị luận (người / những người mang thói quen / quan niệm mang tính tiêu cực). - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Trình bày được những khía cạnh mang tính tiêu cực, bất lợi của thói quen / quan niệm; những lợi ích của việc từ bỏ thói quen / quan niệm ấy. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được thái độ tôn trọng với đối tượng thuyết phục; chỉ ra được lợi ích của việc từ bỏ thói quen, quan niệm. - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kết hợp của phương thức miêu tả, biểu cảm, ... để tăng sức thuyết phục cho lập luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. 			1 câu	40	

<i>Tỉ lệ %</i>		25%	35%	20%	10%	100%
Tỉ lệ chung		60%		40%		

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Bản Hướng dẫn định hướng các yêu cầu cơ bản của đề bài, giám khảo cần nắm vững đáp án, biểu điểm để đánh giá hợp lí các mức độ năng lực của học sinh.

2. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần linh hoạt trong quá trình chấm, khuyến khích đối với những bài làm có cảm xúc, sáng tạo, biết vận dụng kiến thức để mở rộng, khơi sâu vấn đề. Những bài viết đủ ý nhưng diễn đạt vụng, không cho điểm tối đa.

3. Tổng điểm toàn bài là 10.0; sau khi cộng điểm toàn bài, có thể làm tròn đến 0,1 chữ số thập phân. Ví dụ: 5.25=5.3; 5.75=5.8

II. ĐÁP ÁN:

Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU	6,0
1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm Hướng dẫn chấm: – Học sinh trả lời như Đáp án: 0,75 điểm. – Học sinh trả lời không đúng : không cho điểm.	0,75
2	Từ láy trong khổ thơ: Xao xác, náo nùng, chập chờn Hướng dẫn chấm: – Học sinh trả lời được 2 từ láy trở lên 0.75 điểm. – Học sinh trả lời được 1 từ láy 0,5 điểm – Làm sai hoặc không làm gì: không cho điểm	0,75
3	HS ghi lại câu nào cũng đúng Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời 1 câu thơ 1,0 đ - Làm sai hoặc không làm gì: không cho điểm	1,0
4	- Biện pháp tu từ: nhân hoá (0,25đ), nắng mới- reo (0,25đ), - Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong câu thơ “Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội” - Tăng tính gợi hình, gợi cảm, câu thơ trở nên sinh động, hấp dẫn; cảnh vật như có hồn, gần gũi, thân thiết với con người (0,25đ), - Góp phần thể hiện khung cảnh tươi sáng, ấm áp và niềm vui của của nhân vật trữ tình thời còn trẻ thơ trong những ngày bên mẹ. (0,25đ), Hướng dẫn chấm: – Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	1,0
5	Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ: Buồn, nhớ thương, khắc khoải. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án 0,5 điểm - Học sinh trả lời được nhưng không đầy đủ tùy mức độ cho điểm - Làm sai hoặc không làm gì: không cho điểm	0,5

6	<p>Bài thơ gợi suy nghĩ, trăn trở gì về trách nhiệm của bản thân đối với mẹ.</p> <p>- HS trình bày dưới hình thức 1 đoạn văn ngắn - từ 5 đến 7 dòng</p> <p>- Sau đây một số gợi ý:</p> <p>+ Mẹ là người sinh ra ta, nuôi dạy chúng ta nên người, công lao của mẹ như biển trời, rất lớn,</p> <p>+ Trách nhiệm: phải biết hiếu thảo, yêu thương, chăm sóc mẹ khi về già; phải biết phấn đấu trở thành người có ích,</p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>Viết đúng hình thức đoạn văn dù ngắn, còn nội dung tùy mức độ cho điểm, miễn phù hợp.</i></p>	2,0
II	LÀM VĂN:	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Có đủ 3 phần, mỗi phần thực hiện được nhiệm vụ: Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai vấn đề, Kết bài khái quát lại vấn đề	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Trình bày suy nghĩ về ước mơ đối với cuộc sống mỗi con người.	0,25
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận: HS có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề theo nhiều cách nhưng phải làm rõ về ý. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>* Giải thích: Ước mơ chính là những khao khát của con người, nhằm vươn tới và đạt được một điều gì đó trong tương lai.</p> <p>* Phân tích, chứng minh:</p> <p>- Ước mơ tạo nên động lực, thúc đẩy chúng ta làm việc để đạt được mục tiêu mà mình đề ra; giúp chúng ta có đủ bản lĩnh, sự kiên trì để vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong công việc, trong cuộc sống.</p> <p>- Ước mơ giúp chúng ta có ý thức đầu tư về kiến thức và kỹ năng để hoàn thiện, phát triển bản thân.</p> <p>- Ước mơ giúp chúng ta biết tiết kiệm thời gian, tránh lãng phí thời gian vào những thứ vô bổ; giúp con người sống mạnh mẽ, say mê, có ý nghĩa, để sau này không phải hối tiếc</p> <p>*Bàn luận mở rộng:</p> <p>- Sống có ước mơ là một điều tốt, nhưng chúng ta cần xây dựng cho mình những ước mơ phù hợp với hoàn cảnh và năng lực, tránh sa vào mơ mộng viễn vông.</p> <p>- Khi một ước mơ nào đó không còn phù hợp với hoàn cảnh, với năng lực, ta có thể nghiền ngẫm, suy nghĩ để thay thế vào đó một ước mơ khác hợp lí hơn.</p> <p>- ...</p> <p>*Liên hệ rút ra bài học:</p> <p>- Sống phải có ước mơ để hoàn thiện bản thân...</p> <p>- Trách nhiệm nỗ lực học tập để là công dân tốt, xây dựng quê hương, đất nước tốt đẹp.</p>	3,0
	e. Chính tả: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	0,25
d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày vấn đề sáng tạo, suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ	0,25	
Tổng		10,0

----- Hết -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ

I. ĐỌC – HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

NẮNG MỚI

Lưu Trọng Lu

*Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
Xao xác, gà trưa gáy náo nùng,
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sống lại những ngày không.*

*Tôi nhớ mẹ tôi, thuở thiếu thời
Lúc người còn sống, tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.*

*Hình dáng mẹ tôi chữa xoá mờ
Hãy còn mường tượng lúc vào ra:
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè trước giậu thưa.*

(Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh – Hoài Chân, NXB Văn học, 2000, tr. 288)

(Chú thích: *me* có nghĩa là mẹ; *chữa* có nghĩa là chữa)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. Chỉ ra những từ láy trong khổ thơ sau:

*Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
Xao xác, gà trưa gáy náo nùng,
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sống lại những ngày không.*

Câu 3. Theo em câu thơ nào là đặc sắc nhất?

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu thơ sau:

“Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,”

Câu 5. Cho biết tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 6. Bài thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ, trăn trở gì về trách nhiệm của bản thân đối với mẹ?
(Hãy trình bày một đoạn văn khoảng 5 đến 7 dòng).

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận ngắn trình bày suy nghĩ về ước mơ đối với cuộc sống mỗi con người.

----- HẾT -----

**TRƯỜNG THPT LÊ LỢI
TỔ NGỮ VĂN**

**MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: NGỮ VĂN 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

I. Ma trận đề kiểm tra

T T	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tỉ lệ
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	Thơ hiện đại	3	3	1	1	60
2	Viết	Viết văn bản nghị luận xã hội	1*	1*	1*	1*	40
Tổng			25	35	30	10	100
Tỉ lệ%			60		40		

II. Bảng đặc tả yêu cầu các kĩ năng kiểm tra, đánh giá

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tỉ lệ %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao	
1	1. Đọc hiểu	Thơ hiện đại (Ngữ liệu ngoài SGK).	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thể thơ, phương thức biểu đạt và các biện pháp nghệ thuật trong bài thơ. - Nhận biết được những hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ. - Nhận biết được những biểu hiện trực tiếp của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được giá trị các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ. - Phân tích được ý nghĩa, giá trị của hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do bài thơ gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học 	3 câu	2 câu	1 câu	0	60

2	Viết	Viết bài văn nghị luận xã hội	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vấn đề xã hội cần bàn luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những nội dung vấn đề xã hội cần bàn luận. - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí/hiện tượng đời sống - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề xã hội - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận; bài văn giàu sức thuyết phục. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. 	1*	1*	1*	1 câu TL	40
Tỉ lệ %			25%	35%	20%	10%	100%	
Tỉ lệ chung			60%		40%			

Môn: Ngữ văn, Lớp 12

Ngày kiểm tra: 22/12/2023
(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 04 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Bản Hướng dẫn định hướng các yêu cầu cơ bản của đề bài, giám khảo cần nắm vững đáp án, biểu điểm để đánh giá hợp lý các mức độ năng lực của học sinh.

2. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần linh hoạt trong quá trình chấm, khuyến khích đối với những bài làm có cảm xúc, sáng tạo, biết vận dụng kiến thức để mở rộng, khơi sâu vấn đề. Những bài viết đủ ý nhưng diễn đạt vụng, không cho điểm tối đa.

3. Tổng điểm toàn bài là 10.0; sau khi cộng điểm toàn bài, có thể làm tròn đến 0,1 chữ số thập phân. Ví dụ: 5.25=5.3; 5.75=5.8

II. ĐÁP ÁN:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I			3,0
	1	Thê thơ: Tự do * Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như trên: 0,75 điểm - Học sinh trả lời khác hoặc không trả lời: không cho điểm	0,75
	2	Những hình ảnh của quê hương được tái hiện trong đoạn trích: mái đình, triền sông, đường làng, rom, rặng tre, măng, cánh đồng lúa, bến nước, trăng, ... * Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời từ 7 hình ảnh đúng trở lên : 0,75 điểm . - Học sinh trả lời từ 5 đến 6 hình ảnh đúng : 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được 2 hình ảnh đúng: 0,25 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm.	0,75
	3	- Biện pháp tu từ: phép điệp (Tổ quốc, luôn dâng đầy muôn nẻo bến bờ xa). * Hướng dẫn chấm: - Học sinh chỉ cần chỉ ra biểu hiện của phép điệp như đáp án: (0,5 điểm) - Học sinh chỉ ra được 1 biểu hiện của phép điệp: (0,25 điểm) - Tác dụng: + Tạo nhịp điệu và âm hưởng tha thiết cho lời thơ (0,25) + Nhấn mạnh tình cảm sâu nặng của tác giả hướng về quê hương, đất nước (0,25) * Hướng dẫn chấm: - Ở ý 1 phần tác dụng, hs chỉ cần nêu 1 trong 2 ý: tạo nhịp điệu hoặc tạo âm hưởng là đạt (0,25 điểm) - HS có thể diễn đạt khác, nhưng đúng với tinh thần của đáp án thì vẫn cho điểm tối đa.	1,0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
	4	<p>HS rút ra được một bài học phù hợp từ văn bản.</p> <p>Ví dụ: Con người cần hướng về quê hương, cội nguồn,....</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS chỉ cần rút ra được 1 bài học, miễn bài học đó toát ra từ ý nghĩa của văn bản và mang tính nhân văn: (0,5 điểm)</p> <p>- HS có thể diễn đạt khác, nhưng đúng với tinh thần của đáp án thì vẫn cho điểm tối đa. Tùy vào câu trả lời của học sinh, giáo viên linh hoạt cho các mức điểm phù hợp.</p>	0,5
II			7,0
	1	<p>Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 đến 15 dòng) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý nghĩa của việc hướng về cội nguồn trong cuộc sống hôm nay.</p>	2,0
		<p>* Đảm bảo cấu trúc đoạn văn: HS có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích, song hành.</p>	0,25
		<p>* Xác định đúng vấn đề nghị luận: Ý nghĩa của việc hướng về cội nguồn trong cuộc sống hôm nay.</p>	0,25
		<p>* Triển khai vấn đề nghị luận: HS lựa chọn thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề một cách mạch lạc, sáng rõ. Có thể trình bày theo hướng sau:</p> <p>- Giải thích: Cội nguồn là gốc rễ, là tổ tiên, ông bà, cha mẹ, quê hương hay rộng hơn là chính là thế hệ đi trước. Hướng về cội nguồn là thể hiện thái độ trân trọng, biết ơn, nhớ về những người đã đóng góp cho sự phát triển của gia đình, cộng đồng.</p> <p>- Phân tích: Ý nghĩa của việc hướng về cội nguồn:</p> <p>+ Vì đó là nơi ta sinh ra và nuôi dưỡng con người trưởng thành, nơi lưu giữ kỉ niệm, kết nối tình cảm;</p> <p>+ Hướng về cội nguồn giúp ta biết trân trọng hiện tại, phấn đấu cho tương lai;</p> <p>+ Tạo nên sức mạnh tinh thần giúp ta đứng vững trước những khó khăn thử thách;</p> <p>+ Hướng về cội nguồn tạo nên sức mạnh cho đất nước, con người Việt Nam trước những biến động của thế giới, giữ vững nền độc lập, chủ quyền, phát triển và hội nhập với thế giới.</p> <p>+ Đó là đạo lý tốt đẹp bao đời của người Việt Nam.</p> <p>- Bình luận:</p> <p>+ Phê phán những người sống vô ơn, quên đi nguồn cội, quên đi những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc,...</p> <p>- Bài học nhận thức và hành động: cần phải hướng về nguồn cội, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc,...</p>	1,0

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		* <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> : Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
		* <i>Sáng tạo</i> : Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc.	0,25
	2	<p>Phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ <i>Sóng</i> của Xuân Quỳnh</p> <p><i>Dữ dội và dịu êm</i> <i>Ồn ào và lặng lẽ</i> <i>Sông không hiểu nổi mình</i> <i>Sóng tìm ra tận bể</i></p> <p><i>Ôi con sóng ngày xưa</i> <i>Và ngày sau vẫn thế</i> <i>Nỗi khát vọng tình yêu</i> <i>Bồi hồi trong ngực trẻ</i></p> <p>(Trích <i>Sóng</i>- Xuân Quỳnh, Ngữ văn 12, Tập 1, NXBGD, tr155)</p>	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận : Có đủ 3 phần, mỗi phần thực hiện được nhiệm vụ: Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai vấn đề, Kết bài khái quát lại vấn đề.	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận : Mượn hình tượng của sóng để diễn tả những cung bậc cảm xúc và khát vọng trong tình yêu.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận : HS có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau, cơ bản đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn thơ. - Phân tích đoạn thơ: + Khổ 1: . Hai câu đầu: từ việc khám phá những trạng thái đối cực của sóng, tác giả diễn tả những cung bậc tình cảm phong phú, phức tạp của người phụ nữ đang yêu (<i>nêu và phân tích dẫn chứng</i>). . Hai câu sau: dùng quy luật tự nhiên sóng ở sông tìm ra bể, nhà thơ thể hiện một quan niệm mới về tình yêu: yêu là tự nhận thức, là vươn tới cái cao rộng, lớn lao (<i>nêu và phân tích dẫn chứng</i>). + Khổ 2: . Hai câu đầu: Nói lên quy luật tự nhiên của sóng: luôn trường tồn và vĩnh cửu với thời gian (<i>nêu và phân tích dẫn chứng</i>). . Hai câu sau: Tác giả khẳng định khát vọng tình yêu thường trực trong trái tim tuổi trẻ (<i>nêu và phân tích dẫn chứng</i>). + Nghệ thuật: thể thơ năm chữ, âm điệu sâu lắng, dạt dào; nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ, đối lập,..	3,75 0,5 2,25 0,5

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		- Đánh giá: Đoạn thơ vừa là lời tự bạch, giải bày vừa là sự tự nhận thức về tình yêu của người phụ nữ. Điều đó được thể hiện đầy ý nhị qua hình tượng sóng.	0,5
		d. Chính tả: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	0,25
		e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày vấn đề sáng tạo, suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ.	0,25

Giáo viên

Nguyễn Thị Nguyệt

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Ta đã qua bao phố phường tráng lệ
Paris ánh sáng hay London cổ kính
Lòng vẫn trôi về bến
Cội nguồn vắng vắng à ơi
Mái đình cong trăng khuyết
Triền sông mượt câu hò
Đường làng thơm vào trí nhớ
Rặng tre già măng non ta

Ta là ta ngàn Việt những dòng sông
Dấu khúc khuỷu bờ dâu hay gheh xiết cũng
chảy về lòng biển

Chảy về với cánh đồng lúa chín
Rặng tre nghiêng chiều
Bến nước nghiêng trăng

Về dòng thác người cuộn về muôn hướng
Chảy không nguôi dòng máu Lạc Hồng
Giấc mơ nào từng ôm ấp biển Đông?

Và tất cả ta gọi tên Tổ quốc
Một Tổ quốc thiêng liêng màu sắc Việt
Luôn dâng đầy muôn nẻo bến bờ xa
Luôn dâng đầy muôn nẻo bến bờ xa...

(Trích Là Việt, tập thơ Tổ quốc gọi tên mình, Nguyễn Phan Quế Mai, NXB Phụ Nữ, 2015)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Những hình ảnh nào của quê hương được tác giả tái hiện trong đoạn trích?

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả của phép điệp được sử dụng trong những dòng thơ sau:

Và tất cả ta gọi tên Tổ quốc
Một Tổ quốc thiêng liêng màu sắc Việt
Luôn dâng đầy muôn nẻo bến bờ xa
Luôn dâng đầy muôn nẻo bến bờ xa...

Câu 4. Bài học mà đoạn trích đem lại cho anh/ chị là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm).

Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 đến 15 dòng) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý nghĩa của việc hướng về cội nguồn trong cuộc sống hôm nay.

Câu 2(5,0 điểm).

Phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh:

Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sông không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể

Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ

(Trích Sóng - Xuân Quỳnh, Ngữ văn 12, Tập 1, NXBGD, tr155)

-----HẾT-----

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I, NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: NGỮ VĂN 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

T T	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	20	10	5	5	5	5			4	20	30
2	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	5	5	5	5	5	5	5	5	1	20	20
3	Viết bài văn nghị luận văn học	20	10	15	10	10	20	5	10	1	50	50
Tổng		45	25	25	20	20	30	10	15	6	90	100
Tỉ lệ %		45		25		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

TRƯỜNG THPT LÊ LỢI
TỔ NGỮ VĂN

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: NGỮ VĂN 12; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Thơ hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện thể thơ - Nhận biết được những hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích. - Chỉ ra được được các biện pháp tu từ <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 	2	1	1	0	4
2	VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (khoảng 10 -15 dòng)	Nghị luận về tư tưởng, đạo lí	<p>Nhận biết: Xác định được tư tưởng đạo lí và cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu: giải thích tư tưởng đạo lí.</p> <p>Vận dụng: Vận dụng các kỹ năng để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.</p> <p>Vận dụng cao: Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p>					1*
3	VIẾT	Nghị luận						1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	về một đoạn thơ: - <i>Đất Nước</i> của Nguyễn Khoa Điềm (Đoạn : <i>Đất là nơi anh đến trường..... Để ra đồng bừa ta trong bọc trúng</i>) - <i>Sóng</i> của Xuân Quỳnh (Đoạn: <i>“Dữ dội và dịu êm... Bồi hồi trong ngực trẻ”</i>)	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. Thông hiểu: Hiểu và diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài Vận dụng: Vận dụng các kĩ năng, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật đoạn thơ. Vận dụng cao: - So sánh với các bài thơ khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, bài văn giàu sức thuyết phục.					
Tổng							6	
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

Giáo viên

Nguyễn Thị Nguyệt